

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẮT VÀ VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần lại đất và vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần lại đất và vận tải cảng Hải Phòng là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển Xí nghiệp xếp dỡ và vận tải thùy, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty cổ phần lại đất và vận tải cảng Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/3/2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 27.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Cao Trung Ngoan	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Mạc Văn Luật	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Hà	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Hoàng Đình Quang	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Mạc Văn Luật	Giám đốc
Ông Phạm Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đào	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đức Thành	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Thắng	Kế toán trưởng

3. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

5. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Mạc Văn Luật

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Số: 169/2018/BCKT-PB.00116

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, được lập ngày 05/02/2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

LÊ VIỆT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.842.833.047	18.775.099.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.590.152.193	4.233.209.556
1. Tiền	111		4.590.152.193	4.233.209.556
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.723.142.631	12.989.324.095
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	10.455.626.425	12.051.588.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		618.250.000	1.322.515.608
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	396.419.806	366.373.631
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(747.153.600)	(751.153.600)
IV. Hàng tồn kho	140		1.244.854.371	778.318.049
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.244.854.371	778.318.049
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.683.852	774.248.149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	273.797.548	774.248.149
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		10.886.304	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.799.855.736	24.983.423.983
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.303.759.960	17.913.184.721
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.267.097.960	17.856.522.721
- Nguyên giá	222		53.912.291.904	69.255.279.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.645.193.944)	(51.398.756.761)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	36.662.000	56.662.000
- Nguyên giá	228		80.000.000	80.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.338.000)	(23.338.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.496.095.776	7.070.239.262
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	7.496.095.776	7.070.239.262
TỔNG TÀI SẢN	270		34.642.688.783	43.758.523.832

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.001.529.072	9.656.251.605
I. Nợ ngắn hạn	310		5.001.529.072	9.656.251.605
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	2.403.694.193	7.264.358.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	90.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	204.723.142	379.977.324
4. Phải trả người lao động	314		886.694.862	1.363.530.287
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	26.839.914	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	992.857.427	541.757.576
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		486.719.534	106.537.624
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.641.159.711	34.102.272.227
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	29.641.159.711	34.102.272.227
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.203.400.000	2.003.400.000
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		437.759.711	5.098.872.227
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.098.872.227
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		437.759.711	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		34.642.688.783	43.758.523.832



Mạc Văn Luật
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13	63.428.307.216	79.756.555.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.428.307.216	79.756.555.161
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	52.140.370.357	63.081.260.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.287.936.859	16.675.294.302
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	32.845.341	16.496.772
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.16	9.477.228.961	10.227.435.971
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.843.553.239	6.464.355.103
11. Thu nhập khác	31	VI.17	32.060.559	55.354.530
12. Chi phí khác	32	VI.18	1.274.405.298	90.151.499
13. Lợi nhuận khác	40		(1.242.344.739)	(34.796.969)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		601.208.500	6.429.558.134
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	163.448.789	1.330.685.907
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		437.759.711	5.098.872.227
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19	162	1.733



Mạc Văn Luật
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	601.208.500	6.429.558.134
2. Điều chỉnh cho các khoản			
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.499.674.182	3.058.021.000
+ Các khoản dự phòng	03	(4.000.000)	(21.000.000)
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05	(32.845.341)	(16.496.772)
+ Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.064.037.341	9.450.082.362
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.259.295.160	1.466.326.078
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(466.536.322)	461.173.196
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.570.046.984)	(4.404.921.394)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	74.594.087	(1.777.192.966)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(259.010.642)	(1.018.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	34.333.281	52.581.115
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.335.969.710)	(857.863.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.199.303.789)	3.372.184.950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.111.363.635	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.845.341	16.496.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.144.208.976	16.496.772
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.587.962.550)	(2.399.512.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.587.962.550)	(2.399.512.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	356.942.637	989.169.012
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.233.209.556	3.244.040.544
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.590.152.193	4.233.209.556



Mạc Văn Luật
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng Hải Phòng là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển Xí nghiệp xếp dỡ và vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty cổ phần lai dắt và vận tải cảng Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/3/2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa.
- Dịch vụ chuyển tải hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Cho thuê tàu lai;
- Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;
- Trục vớt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và vận tải đường biển;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (Không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài);
- Khai thác cảng, kinh doanh kho bãi;
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính khi có sự sụt giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

7. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

8. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

9. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

11. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	624.018.776	583.106.244
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.966.133.417	3.650.103.312
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	4.590.152.193	4.233.209.556

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.146.490.513	3.942.099.348
- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tiếp vận á châu	160.000.000	-
- Công ty TNHH Đại Sơn	473.003.533	27.056.000
- Công ty TNHH MTV Savitrans	-	2.266.974.048
- Công ty CP dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	332.335.000	155.047.050
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	107.807.380	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.073.344.600	1.493.022.250
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.309.135.912	8.109.489.108
- Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	6.453.922.805	5.639.557.044
- Công ty TNHH một thành viên cảng Hoàng Diệu	1.855.213.107	2.469.932.064

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	396.419.806	-	366.373.631	-
- Ký cược, ký quỹ	350.000.000	-	50.000.000	-
- Phải thu khác	13.003.656	-	232.264.627	-
- Tạm ứng	30.000.000	-	11.227.914	-
- Bảo hiểm xã hội	3.357.350	-	61.276.482	-
- Bảo hiểm y tế	58.800	-	11.604.608	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	396.419.806	-	366.373.631	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.244.854.371	-	778.154.049	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	164.000	-
Cộng	1.244.854.371	-	778.318.049	-

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	273.797.548	774.248.149
- Chi phí bảo hiểm	201.341.548	358.248.149
- Chi phí sửa chữa	72.456.000	416.000.000
b. Dài hạn	7.496.095.776	7.070.239.262
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.611.600.160	1.375.931.627
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.548.581.488	5.519.314.635
- Các khoản khác	335.914.128	174.993.000
Cộng	7.769.893.324	7.844.487.411

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	80.000.000	80.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	23.338.000	23.338.000
- Khấu hao trong năm	-	20.000.000	20.000.000
Số cuối năm	-	43.338.000	43.338.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	56.662.000	56.662.000
Số cuối năm	-	36.662.000	36.662.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	-	353.118.405	68.700.233.350	201.927.727	-	69.255.279.482
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.342.987.578)	-	-	(15.342.987.578)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	353.118.405	53.357.245.772	201.927.727	-	53.912.291.904
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	-	120.514.000	51.094.808.034	183.434.727	-	51.398.756.761
- Khấu hao trong năm	-	40.590.000	2.431.304.182	7.780.000	-	2.479.674.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.233.236.999)	-	-	(10.233.236.999)
Số cuối năm	-	161.104.000	43.292.875.217	191.214.727	-	43.645.193.944
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	-	232.604.405	17.605.425.316	18.493.000	-	17.856.522.721
Số cuối năm	-	192.014.405	10.064.370.555	10.713.000	-	10.267.097.960

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.223.259.909 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.396.377.433	2.396.377.433	5.152.041.814	4.605.573.707
- Công ty CP thương mại Kim Khánh	-	-	639.190.585	639.190.585
- Công ty CP thương mại và vận tải 568	733.177.292	733.177.292	1.972.687.200	1.972.687.200
- Công ty TNHH thương mại vận tải xây dựng Vĩnh Hùng	-	-	1.759.405.160	1.759.405.160
- Công ty TNHH Tân Bình	400.000.000	400.000.000	-	-
- Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Tân An	828.843.990	828.843.990	-	-
- Phải trả khác	434.356.151	434.356.151	780.758.869	234.290.762
Phải trả người bán là các bên liên quan	7.316.760	7.316.760	2.658.785.087	2.658.785.087
- Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	7.316.760	7.316.760	2.658.785.087	2.658.785.087

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	379.977.324	3.358.464.826	3.533.719.008	204.723.142
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	293.254.775	2.759.740.765	2.880.243.398	172.752.142
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.675.549	163.448.789	248.124.338	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.047.000	201.117.272	171.193.272	31.971.000
- Các loại thuế khác	-	234.158.000	234.158.000	-
b. Thuế và các khoản phải thu	-	-	10.886.304	10.886.304
- Thuế TNDN	-	-	10.886.304	10.886.304

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	26.839.914	-
- Trích trước chi phí sửa chữa	26.839.914	-
- Các khoản trích trước khác	-	-
b) Dài hạn	-	-
	<u>26.839.914</u>	<u>-</u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	992.857.427	541.757.576
- Kinh phí công đoàn	122.651.200	172.641.226
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.200	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	870.195.027	369.116.350
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>992.857.427</u>	<u>541.757.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
01/01/2017	27.000.000.000	-	-	2.203.400.000	-	-	5.098.872.227	34.102.272.227	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	437.759.711	437.759.711	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	200.000.000	-	-	-	200.000.000	
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Chi trả cổ tức ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000	
- Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	-	2.398.872.227	2.398.872.227	
31/12/2017	27.000.000.000	-	-	2.203.400.000	-	-	437.759.711	32.040.031.938	

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28/6/2017:

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	800.000.000	đồng
Trích quỹ đầu tư phát triển:	200.000.000	đồng
Chia cổ tức:	2.700.000.000	đồng
Trích kinh phí hỗ trợ người lao động:	1.398.872.227	đồng
Cộng	5.098.872.227	đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	16.200.000.000	16.200.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	10.800.000.000	10.800.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

12.3 CỔ PHIẾU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hoạt động hỗ trợ lai đất	50.580.583.321	51.013.947.363
- Doanh thu hoạt động dịch vụ trọn gói	11.499.360.251	27.944.062.333
- Doanh thu hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	1.348.363.644	798.545.465
Cộng	63.428.307.216	79.756.555.161

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn hoạt động hỗ trợ lai đất	36.645.316.671	33.728.135.061
- Giá vốn hoạt động dịch vụ trọn gói	14.677.914.377	28.371.334.112
Giá vốn hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	817.139.309	981.791.686
Cộng	52.140.370.357	63.081.260.859

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.845.341	16.496.772
Cộng	32.845.341	16.496.772

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	335.583.954	416.429.276
- Chi phí nhân công	4.426.995.829	6.751.659.994
- Chi phí khấu hao TSCĐ	237.924.000	251.338.000
- Thuế, phí, lệ phí	234.158.000	190.758.000
- Các khoản dự phòng	(4.000.000)	(21.000.000)
- Chi trợ cấp thôi việc	2.522.875.550	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	669.894.271	1.415.867.017
- Chi phí khác bằng tiền	1.053.797.357	1.222.383.684
Cộng	9.477.228.961	10.227.435.971

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thanh lý phế liệu	32.060.559	55.354.530
	<u>32.060.559</u>	<u>55.354.530</u>

18. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	1.000.659.669	
- Các khoản chi phí khác	273.745.629	90.151.499
	<u>1.274.405.298</u>	<u>90.151.499</u>

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	437.759.711	5.098.872.227
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	162	1.733
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	601.208.500	6.429.558.134
Các khoản chi phí không được khấu trừ	216.035.445	223.871.399
- Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000	216.000.000
- Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	35.445	7.871.399
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	817.243.945	6.653.429.533
Chi phí thuế TNDN hiện hành	163.448.789	1.330.685.907

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.590.152.193	4.233.209.556
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.852.046.231	12.417.962.087
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	15.442.198.424	16.651.171.643
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.273.889.220	7.633.475.144
Chi phí phải trả	26.839.914	-
Cộng	3.300.729.134	7.633.475.144
Trạng thái ròng	12.141.469.290	9.017.696.499

Tại ngày 31/12/2017 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.273.889.220	-	3.273.889.220
Chi phí phải trả	26.839.914	-	26.839.914
Cộng	3.300.729.134	-	3.300.729.134
Số đầu năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	7.633.475.144	-	7.633.475.144
Cộng	7.633.475.144	-	7.633.475.144

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.590.152.193	-	4.590.152.193
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.104.892.631	747.153.600	10.852.046.231
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	14.695.044.824	747.153.600	15.442.198.424
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.233.209.556	-	4.233.209.556
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.666.808.487	751.153.600	12.417.962.087
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	15.900.018.043	751.153.600	16.651.171.643

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty không phải trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hoạt động dịch vụ trọn gói	Hoạt động đất, hỗ trợ	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.348.363.644	11.499.360.251	50.580.583.321	63.428.307.216
Khấu hao và chi phí phân bổ	817.139.309	14.677.914.377	36.645.316.671	52.140.370.357
Kết quả kinh doanh bộ phận	531.224.335	(3.178.554.126)	13.935.266.650	11.287.936.859
Chi phí không phân bổ				9.477.228.961
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				1.810.707.898
Doanh thu tài chính				32.845.341
Lãi/(lỗ) hoạt động khác				(1.242.344.739)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				601.208.500
Thuế TNDN				163.448.789
Lợi nhuận trong năm				437.759.711
Tài sản				
Tài sản bộ phận	736.436.839	6.280.614.695	27.625.637.249	34.642.688.783
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				34.642.688.783
Nợ phải trả bộ phận	106.322.875	906.762.093	3.988.444.104	5.001.529.072
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	106.322.875			5.001.529.072

23. BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	34.553.050.962
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	12.372.704.574
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.806.646.838
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	872.127.340

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	6.453.922.805 (7.316.760)
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	1.855.213.107

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của ban Giám đốc	830.920.548	1.255.554.159
Tiền lương, thưởng, phụ cấp Ban Giám đốc	830.920.548	1.255.554.159

VII. THÔNG TIN KHÁC

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế.



Mạc Văn Luật
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập